TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2018
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm.

Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/01/2018 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đoàn Văn T, sinh năm 1980. Tên gọi khác: Đ.

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Trần Oanh M, sinh năm 1980. Tên gọi khác: Trần Thị X.

Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2018 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 2002 anh T và chị M tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống giữa anh T và chị M có 02 con chung tên: Đoàn Minh K, sinh 18/01/2008, Đoàn Hải Đ, sinh 19/12/2013 (Cháu K hiện đang sống với anh T, cháu Đ hiện đang sống với chị M).

Về tài sản chung: 01 máy cày trị giá 35 triệu đồng (hùn với Dương Hoàng N - ở ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau), 01 xe máy trị giá 08 triệu đồng, 01 tủ lạnh trị giá 07 triệu đồng. Thuê đất của ông V 22 triệu đồng, làm được 01 vụ sau đó ông V chuộc lại 11 triệu đồng lấy tiền trả tiền phân bón 15.900.000 đồng, thuê đất của ông U 02 năm giá 03 chỉ vàng 24k (đã làm được 01 năm). Số tiền từ thu hoạch lúa là không có, vì bán lúa xong đã trả tiền vật tư nông nghiệp.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, chị M thường bỏ nhà đi nhiều lần, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân hơn 05 tháng, nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị M. Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo đơn yêu cầu ngày 25/3/2018 và lời trình bày bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Chị M thống nhất với lời trình bày của anh T về hôn nhân, về con chung là đúng sự thật.

Về tài sản chung: 01 máy cày trị giá 35 triệu đồng (hùn với Dương Hoàng N - ở ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau), 01 tủ lạnh trị giá 07 triệu đồng, 01 xe máy trị giá 08 triệu đồng. Thuê đất của ông V 22 triệu đồng, thuê đất của ông U 03 chỉ vàng 24k (anh T đã nhận lại 1,5 chỉ vàng 24k). Phần đất thuê thu hoạch bán lúa được 60 triệu đồng (anh T quản lý).

Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh T ăn chơi bỏ bê vợ con, không quan tâm đến vợ con mà còn đánh đập chị M, từ đó vợ chồng phát phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân hơn 05 tháng, nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay chị M đồng ý ly hôn với anh T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc *"Ly hôn",* nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn:* Anh T và chị M tự nguyện sống chung với nhau và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng anh T và chị M không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận anh T và chị M là vợ chồng là phù hợp.

[4] *Xét về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Anh T và chị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Xét về án phí:* Anh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Đoàn Văn T với chị Trần Oanh M là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm:

Anh T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0007777 ngày 29/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã K;
- UBND xã KB;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Từ Thanh Nhung